

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU

Bản án số: 10/2025/HNGĐ-ST
Ngày 17 - 01 - 2025
V/v Ly hôn.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hân

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trương Công Minh

Ông Nguyễn Văn Nhi

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Đình Chương – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau.

Ngày 17 tháng 01 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 534/2024/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2024 về việc “Ly hôn”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 566/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Trần Thị Thanh G, Sinh năm: 1995. HKTT: Ấp X, xã Y, thành phố C, tỉnh Cà Mau. Địa chỉ cư trú: Nhà không số, Khu đô thị H, ấp B, xã Y, thành phố C, tỉnh Cà Mau. (có mặt)

- **Bị đơn:** Ông Ngô Quốc N; Sinh năm: 1994; Địa chỉ cư trú: Ấp X, xã Y, thành phố C, tỉnh Cà Mau. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bà Trần Thị Thanh G trình bày tại đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình g quyết vụ án và được bổ sung tại phiên tòa như sau:

- **Về hôn nhân:** Bà và ông Ngô Quốc N tự nguyện kết hôn vào năm 2015, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Lý Văn Lâm, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau. Trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã với nhau, hôn nhân không hạnh phúc, vợ chồng đã sống ly thân với nhau, nên bà yêu cầu được ly hôn với ông N.

- **Về con chung:** Bà và ông N có 02 người con chung tên Ngô Trần Bội Tr, sinh ngày 16/5/2014 và Ngô Thiên Đ, sinh ngày 15/10/2019, hiện nay đang

sống với ông N. Khi ly hôn, bà yêu cầu giao cả hai người con chung cho ông N trực tiếp nuôi dưỡng. Không yêu cầu giải quyết về nghĩa vụ cấp dưỡng.

- *Về tài sản*: Không có.

- *Về nợ chung*: Bà xác định không nợ ai, không ai nợ ông, bà.

Quá trình g quyết vụ án, ông Ngô Quốc N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo cho ông N đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, được tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập, để tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng ông N vẫn vắng mặt không rõ lý do, không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là về việc Ly hôn.

Bị đơn ông Ngô Quốc N đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng ông N vẫn vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với ông N.

[2] Hôn nhân: Nguyên đơn bà Trần Thị Thanh G yêu cầu ly hôn với bị đơn ông Ngô Quốc N. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy, bà G và ông N chung sống hoàn toàn tự nguyện có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, nên hôn nhân của ông, bà được pháp luật công nhận và bảo vệ. Bà G cho rằng quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cãi vã với nhau. Tại phiên tòa, bà G giữ nguyên yêu cầu ly hôn, xác định không thể hàn gắn hôn nhân được. Xét thấy, bà G và ông N xảy ra nhiều mâu thuẫn trầm trọng, thực tế ông, bà đã sống ly thân với nhau, tiếp tục chung sống sẽ không hạnh phúc. Đối với ông N không có ý kiến, nên không xem xét, giải quyết. Do đó, có căn cứ chấp nhận yêu cầu của bà G về việc ly hôn với ông N.

[3] Con chung: Bà G và ông N có 02 người con chung tên Ngô Trần Bội Tr, sinh ngày 16/5/2014 và Ngô Thiên Đ, sinh ngày 15/10/2019, hiện nay đang sống với ông N. Khi ly hôn, bà G yêu cầu giao cả hai người con chung cho ông N trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy, hiện nay hai cháu Tr và Đ sống ổn định với ông N. Đồng thời, nguyện vọng cháu Trần được sống với cha được ghi nhận tại biên bản ghi ý kiến con chung. Đối với ông N không có ý kiến, nên không xem xét. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận giao hai cháu Tr và Đ cho ông N trực tiếp nuôi dưỡng là có căn cứ.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Do các đương sự không yêu cầu xem xét giải quyết, nên không đặt ra xem xét, giải quyết là phù hợp.

[4] Tài sản chung: Bà G xác định không có, ông N không có ý kiến, nên không xem xét, giải quyết là phù hợp.

[5] Nợ chung: Bà G xác định ông, bà không có nợ chung. Không ai yêu cầu về nợ chung nên không xem xét, giải quyết là phù hợp.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Nguyên đơn phải nộp theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Thanh G, về việc yêu cầu ly hôn với ông Ngô Quốc N.

Con chung: Giao 02 người con chung tên Ngô Trần Bội Tr, sinh ngày 16/5/2014 và Ngô Thiên Đ, sinh ngày 15/10/2019, hiện nay đang sống với ông N cho ông N tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, bà G có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, mà không ai được cản trở.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Không xem xét, giải quyết.

Tài sản chung; Nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Bà Trần Thị Thanh G phải nộp 300.000 đồng. Ngày 29/10/2024, bà G đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau theo biên lai số 0009559, được đối trừ, chuyển thu, nộp Ngân sách Nhà nước.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND thành phố Cà Mau;
- Các đương sự;
- UBND xã Lý Văn Lâm, thành phố Cà Mau;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu TM (TANDTPCM).

**TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ngọc Hân